

KẾ HOẠCH
Hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu
giai đoạn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Hội nghị COP26); Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh với những nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra; xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện ứng phó với BĐKH và chuyển dịch năng lượng nhằm thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tận dụng những cơ hội do BĐKH mang lại để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thích ứng với BĐKH

a) Đến năm 2030:

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 27%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt ít nhất 4,77% diện tích lãnh thổ đất liền của tỉnh¹; diện tích vùng biển và ven biển được bảo tồn đạt ít nhất 0,16% diện tích tự nhiên vùng biển của tỉnh².

¹ Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khu Dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Tường (700 ha); Vườn quốc gia Mũi Cà Mau 15.262ha; Vườn quốc gia U Minh Hạ 8.528ha; Cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối 579 ha; Sân chim Đầm Dơi 128 ha. Như vậy tổng diện tích các khu bảo tồn trên cạn hiện có 25.197 ha/527.451ha (5.274,51km² diện tích tự nhiên của tỉnh) tương đương 4,77%.

² Theo Báo cáo tổng hợp Thành lập Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau, với tổng diện tích mặt nước vùng biển xung quanh các cụm đảo (Hòn Khoai, Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc) 12.500 ha/8.000.000 ha (80.000km² diện tích tự nhiên ngư trường vùng biển của tỉnh) tương đương 0,16%.

- Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với BĐKH đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định; đặc biệt các công trình phòng, chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị.

- Bảo đảm 100% dân cư đô thị, 95% dân cư được cung cấp nước sạch, trong đó ít nhất 80% dân cư được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do BĐKH.

- Tự động hóa 100% đối với các trạm khí tượng, trạm đo mực nước, đo mưa, đo độ mặn; phát triển mạng lưới trạm khí tượng hải văn tự động, ưu tiên khu vực vùng biển ven bờ.

- Bảo đảm 80% số hộ dân (tương đương 7.523/9.223 hộ dân) thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân (tương đương 5.086 hộ dân) sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với BĐKH.

b) Đến năm 2050:

- Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

- Nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Trình độ, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển; dịch vụ khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khả năng chống chịu của các công trình phòng, chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

- Người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; đảm bảo di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn. Bảo hiểm rủi ro thiên tai cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp và xã hội.

2.2. Giảm phát thải khí nhà kính

- Nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng quốc gia và cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh nằm trong giới hạn tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia (*giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường*) nếu có thêm sự hỗ trợ của quốc gia, quốc tế và huy động được đầu tư từ các thành phần kinh tế. Các cơ sở sản xuất có phát thải khí nhà kính thực hiện xây dựng kế hoạch, lộ trình cải thiện công nghệ phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Kế hoạch, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018 thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 03/01/2020 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2020 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 20/10/2020 triển khai thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 14/4/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022 triển khai thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030 và tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH như sau:

1. Chủ động thích ứng với BĐKH

1.1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế - xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

a) Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên:

- Tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước như: tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước mặt đối với các sông, ao, hồ; tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo,

phục hồi các ao, hồ, kênh mương ở các đô thị. Thực hiện các dự án xử lý nước thải, khôi phục lại các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm thông qua các dự án nạo vét khơi thông luồng sông, kênh, rạch trên địa bàn; đặc biệt hoàn thành thủ tục đầu tư dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thành phố Cà Mau trước năm 2025; xác định các khu vực cần bảo vệ, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm: xử lý nước thải đạt yêu cầu ở tất cả các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, các bệnh viện, lập phân vùng và hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, chuyển nước, liên kết nguồn nước, cải thiện chất lượng nguồn nước, nhất là sử dụng nguồn nước mặt đảm bảo chất lượng để bổ sung trữ lượng, lưu giữ nước ngọt trong các tầng chứa nước ngầm nhằm cải thiện chất lượng nước ngầm phục vụ cho việc khai thác, sử dụng; đặc biệt là triển khai xây dựng 01 mô hình thí điểm công nghệ lưu giữ nước ngọt trong các tầng chứa nước ngầm tại thành phố Cà Mau.

- Tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh. Tập trung kiểm soát tốt tình trạng suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng, chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm, xâm thực bãi bồi vùng ven biển.

- b) Nông nghiệp và an ninh lương thực: Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với BĐKH, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học kỹ thuật; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng sinh thái và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- c) Rừng và các hệ sinh thái: Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và

phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp; tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng phòng hộ của rừng ven biển; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn biển, các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

d) Phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, nhất là xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu tái định cư ven biển; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập do mưa lớn, triều cường, nước dâng do bão cho đô thị thành phố Cà Mau, các đô thị ven biển; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương hoàn thành đường bộ cao tốc qua địa phận của tỉnh, hệ thống giao thông kết nối liên huyện, liên vùng. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với BĐKH, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập ở các đô thị, thị trấn. Xây dựng hồ chứa nước ngọt đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng sinh thái, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

e) Y tế và sức khỏe: Tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư khu vực nông thôn, ven biển, đặc biệt là những vùng chịu tác động của triều cường, hạn hán, xâm nhập mặn; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do BĐKH, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do BĐKH; xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với BĐKH.

g) Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới: Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của BĐKH; tăng cường vai trò, năng lực, sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với BĐKH và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về BĐKH và các giải pháp trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH.

1.2. Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH

a) Dự báo và cảnh báo sớm: Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, thông tin, nâng cao năng lực công nghệ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, nhất là đầu tư phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu thực tiễn theo hướng

hiện đại hóa, tự động hóa; đầu tư thiết bị, công nghệ quan trắc, thu thập và xử lý số liệu tự động đối với mạng lưới trạm khí tượng bề mặt và đo gió trên cao, trạm thủy văn, hải văn khu vực ven biển; ưu tiên đối với mạng lưới trạm đo mưa tự động, trạm đo mặn, đặc biệt tại những nơi thường xảy ra triều cường dâng cao, sạt lở đất; hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về BĐKH trên địa bàn tỉnh.

b) Công trình phòng, chống thiên tai: củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển và các công trình thủy lợi, bảo đảm chủ động phòng, chống nước dâng, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do BĐKH; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống cống, đê sông, đê biển. Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá, bao gồm cả các khu vực hải đảo. Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng, nhất là đầu tư xây dựng đê biển Đông, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cấp đê biển Tây và các đoạn đê vùng cửa sông xung yếu; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển. Tăng cường năng lực phòng, chống, ứng phó với sạt lở đất, bão, hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.

c) Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của BĐKH: Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra nước dâng do bão, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra sạt lở, sụt lún đất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt xây dựng nhà an toàn phòng, chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân. Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện và cung cấp bảo hiểm rủi ro thiên tai cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một số lĩnh vực có mức độ rủi ro cao như trồng trọt, nuôi trồng thủy, hải sản trên địa bàn tỉnh.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

2.1. Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Xây dựng và thực hiện cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn quản lý. Thực hiện giải pháp quản lý, giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, quản lý chất thải và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở có mức phát thải theo tiêu chí quy định phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng

lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện, hoạt động của mình.

2.2. Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

a) Lĩnh vực năng lượng

- Về cung cấp năng lượng: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch và công nghệ tiết kiệm năng lượng. Nâng công suất các dự án điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió ngoài khơi, điện sinh khối. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời, sinh khối trên tổng sản lượng điện phát và tích hợp năng lượng tái tạo trong hệ thống điện với tỷ lệ cao. Nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối năng lượng để tăng hiệu quả, giảm tổn thất và hỗ trợ tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các-bon cho các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Về sử dụng năng lượng: Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. Tăng tỷ trọng thâm nhập của các thiết bị sử dụng năng lượng hiệu quả, hiệu suất cao trong các lĩnh vực công nghiệp, dân dụng, thương mại. Đến năm 2030, đạt mức tiết kiệm năng lượng 20% đến 40% tổng tiêu thụ năng lượng toàn tỉnh (tương đương từ 2% đến 4%/năm). Xây dựng công trình, nhà ở sử dụng các giải pháp làm mát, xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Nâng cao hiệu suất năng lượng của thiết bị và hệ thống chuỗi lạnh, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo cho hệ thống cung ứng và bảo quản lạnh trong ngành chế biến thực phẩm. Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải.

b) Lĩnh vực nông nghiệp: Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch; Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; cải thiện khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi; tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp; áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi. Giảm thất thoát lương thực sau thu hoạch và phát thải liên quan thông qua cải thiện hậu cần nông nghiệp và phát triển chuỗi lạnh bền vững.

c) Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất: Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng ven biển nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính. Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa để tăng cường hấp thụ các-bon. Nâng cao chất lượng, trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo thông qua trồng bổ sung, làm giàu rừng nhằm tăng hấp thụ các-bon; nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng để tăng hấp thụ các-bon và giảm phát thải thông qua áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi rừng trồng chu kỳ ngắn sang rừng trồng chu kỳ dài; giảm khai thác gỗ rừng trồng cho sản xuất gỗ dăm; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng để giảm phát thải từ kiểm soát mất rừng và suy thoái rừng, cháy rừng và đốt sinh khối; tăng hấp thụ khí nhà kính thông qua tăng chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái. Phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất.

d) Lĩnh vực chất thải: Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn. Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải rắn gồm: chôn lấp có thu gom khí, chôn lấp bán hiếu khí; sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ; đốt chất thải rắn để phát điện; sản xuất viên nén nhiên liệu từ chất thải rắn. Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

e) Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp: Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thực hiện các giải pháp nghiền xỉ lò thổi, nghiền tro bay trong cơ sở sản xuất. Áp dụng công nghệ phân hủy nhiệt độ cao và các công nghệ mới để giảm phát thải N_2O trong lĩnh vực hóa chất. Áp dụng công nghệ thu giữ các-bon trong các lĩnh vực sản xuất phân bón. Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng thấp.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với BĐKH

3.1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về BĐKH theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương phù hợp với các mục tiêu Chiến lược về thích ứng với BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật của Trung ương về thẩm định các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với BĐKH; thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với BĐKH cấp tỉnh

theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương. Tích hợp nội dung thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với BĐKH của các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; các chính sách thương mại và thúc đẩy phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng và suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.

- Xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, hướng dẫn, mô hình thu gom, vận chuyển, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; ưu tiên ban hành chính sách hỗ trợ phát triển các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải với sự tham gia của các thành phần kinh tế.

3.2. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin truyền thông nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình.

- Xây dựng và triển khai đề án truyền thông của tỉnh, tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, hướng dẫn, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, kỹ năng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính.

- Tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với BĐKH và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với BĐKH, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với BĐKH đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học. Phổ biến thông tin, khuyến khích dán nhãn các-bon, sử dụng sản phẩm, dịch vụ dùng năng lượng sạch, phát thải ít các-bon, thân thiện môi trường thay cho sản phẩm, dịch vụ sử dụng năng lượng hoá thạch; dán nhãn sản phẩm không sử dụng chất có tiềm năng gây nóng lên toàn cầu.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với BĐKH ở các cấp học.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng làm công tác về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, thích ứng với BĐKH đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, theo quy định.

3.4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ ứng phó với BĐKH; đánh giá nhu cầu công nghệ giảm phát thải khí nhà kính; xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải ít các-bon trong các ngành sản xuất để thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và huy động đầu tư.

- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với BĐKH, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại trong chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải; xử lý chất thải; thu giữ, chôn lấp các-bon; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; phát triển, ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với BĐKH.

- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ điện toán đám mây, dữ liệu lớn, Internet vạn vật,... trong xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó với BĐKH; triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hàng năm về thu hồi, sử dụng hiệu quả khí mê-tan trong xử lý nước thải công nghiệp theo đề xuất, đặt hàng của ngành chức năng, của các tổ chức, cá nhân.

- Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế các công trình, cơ sở hạ tầng xanh có tính đến tác động của BĐKH trong dài hạn; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

3.5. Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với BĐKH

- Tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân cho công tác ứng phó với BĐKH và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với BĐKH có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

- Áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó BĐKH.

- Xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với BĐKH để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

3.6. *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH*

- Thúc đẩy, tăng cường hợp tác quốc tế, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của tỉnh trong ứng phó với BĐKH; tích cực kêu gọi đầu tư, hỗ trợ, tài trợ của tổ chức quốc tế, đối tác phát triển mọi nguồn lực về năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH trên địa bàn tỉnh, nhất là trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính có tiềm năng như thu và lưu trữ các-bon, phát triển các nguồn năng lượng mới có tiềm năng, công nghệ xử lý rác thải tuần hoàn,...

- Thực hiện đàm phán, xây dựng các quan hệ đối tác, cơ chế hợp tác để thu hút nguồn lực, hỗ trợ quốc tế cho tỉnh thực hiện các cam kết về ứng phó với BĐKH; kết nối với các tổ chức, đối tác phát triển nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng quản lý và huy động tối đa hỗ trợ của các đối tác phát triển, tổ chức, cá nhân cho ứng phó với BĐKH, phát triển ít phát thải và bền vững trên cơ sở bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách và khả năng cân đối ngân sách hàng năm; nguồn vốn từ doanh nghiệp; nguồn xã hội hóa; nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Khuyến khích huy động hợp tác hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển, các doanh nghiệp tư nhân tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ được giao cho các sở, ngành, địa phương trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành khác có liên quan.

- Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động này áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, tình hình thực tế và trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể trong Danh mục kèm theo Kế hoạch hành động này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả; trong đó, lưu ý lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn, cụ thể như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nội dung Kế hoạch hành động này; định kỳ sơ kết 05 năm, 10 năm trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính đóng trên địa bàn.

- Chủ động, tham mưu nâng cao khả năng tiếp cận số lượng, chất lượng nước để duy trì sinh kế, đời sống con người, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước, phòng chống thảm họa thiên tai liên quan đến nước, bảo tồn hệ sinh thái.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp quản lý, giảm phát thải khí nhà kính, khí mê-tan trong các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh, nhất là đất bãi bồi, ven sông, ven biển bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng.

- Xây dựng và tham mưu ban hành đồng bộ các quy trình, quy định, hướng dẫn, mô hình thu gom, vận chuyển, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn phương thực hiện các đề án, dự án thích ứng với BĐKH theo chức năng, nhiệm vụ; chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các đề án, dự án trong phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ theo các định hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững gắn với thích ứng với BĐKH.

- Thường xuyên tuyên truyền nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả ít sử dụng phân bón, thuốc hóa học và sử dụng nước hợp lý trong sản xuất; thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với từng vùng và đáp ứng theo nhu cầu của thị trường.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong ngư, nông, lâm nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh và triển khai chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và tham gia các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn đầu tư thực hiện các dự án, công trình thuộc Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán để làm cơ sở triển khai thực hiện.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong công nghiệp, thương mại, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có kế hoạch, lộ trình thay đổi các thiết bị lạc hậu tốn nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải để đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các đề án, dự án liên quan đến quy hoạch đô thị bền vững, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình xanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu thích ứng với BĐKH.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong các hoạt động quản lý chất thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải, phát triển hạ tầng giao thông bền vững và giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh vận tải thực hiện đúng các quy định về bảo trì, bảo dưỡng, loại bỏ các loại xe tốn nhiều nhiên liệu và hết niên hạn sử dụng; nghiên cứu tham mưu xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan tham mưu, tư vấn lựa chọn các công nghệ du nhập về tỉnh; nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích việc đầu tư, chuyển giao công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn.

9. Sở Y tế

- Chỉ đạo các bệnh viện cấp tỉnh, cấp huyện đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường để thu gom và xử lý chất thải y tế đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong điều kiện BĐKH giám sát bệnh tật nhằm giảm nguy cơ, quy mô xuất hiện các bệnh mới, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

10. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn thực hiện dự án mô hình sinh kế, việc làm, an sinh xã hội theo quy định, gắn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương góp phần ổn định cuộc sống cho người dân, ưu tiên các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, nhất là các vùng ven biển.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng và triển khai thực hiện nội dung hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về BĐKH; chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

12. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với sở, ngành và địa phương rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, nâng cao năng lực quản lý.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, tiếp tục tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH; tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch.

14. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Cà Mau

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có nhiệm vụ triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động này; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 05 năm của ngành, đơn vị, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu về thích ứng BĐKH của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu thích ứng BĐKH thuộc lĩnh vực quản lý. Phân công tổ chức thực hiện, xác định cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể. Đề xuất các chương trình, đề án, dự án, hoạt động liên quan đến ứng phó, thích ứng BĐKH.

- Tổ chức truyền thông, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về nội dung Chiến lược quốc gia về BĐKH và Kế hoạch hành động này của tỉnh và của ngành, địa phương.

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giám sát và đánh giá các hoạt động ứng phó với BĐKH của tỉnh. Hàng năm báo cáo nội dung cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó với BĐKH lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

- Tham gia trong việc phối hợp với các sở, ngành, địa phương và chủ động thực hiện, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch.

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh trong phạm vi chức năng và hoạt động.

- Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh, ngành và địa phương.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện, đề xuất các biện pháp cần thiết đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

Đối với các nhiệm vụ, đề án, dự án chưa có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm xin chủ trương của cấp thẩm quyền trước khi thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu xét thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- LDVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-TN (Kha01);
- Lưu: VT.

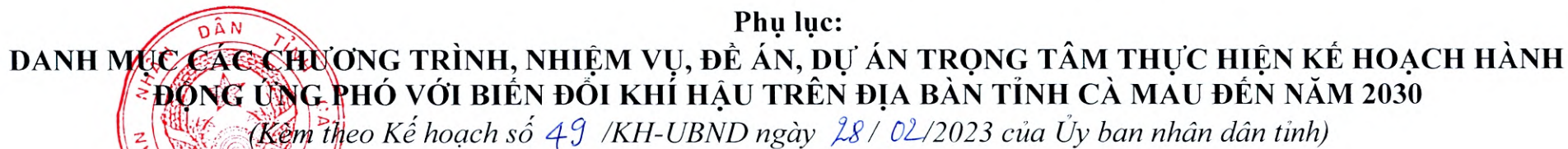
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử

[illegible]



TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Xây dựng, đầu tư hệ thống mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Danh mục công trình đầu tư một số loại hình trạm cơ bản như: Trạm khí tượng, trạm thủy văn, trạm đo mưa, đo mặn và trạm hải văn	Tháng 12/2024	2025 - 2030	
5	Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	2025 - 2030	Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 10/01/2022
6	Điều tra, đánh giá số lượng (trữ lượng), chất lượng nước dưới đất; lập bản đồ địa chất thủy văn cho các tầng chứa nước, các cấu trúc chứa nước và bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	2025 - 2030	Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 10/01/2022
7	Đề xuất giải pháp quản lý tổng thể tài nguyên nước dưới đất thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Đại học Cần Thơ; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2024 - 2030	Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 19/9/2022
8	Đánh giá mức độ tổn thương tại vùng ven biển tỉnh Cà Mau và đề xuất các giải pháp bảo vệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	2025 - 2030	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020
9	Điều tra, đánh giá mức độ tác động của BĐKH đến phát triển hệ thống đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2025	2025 - 2030	Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
10	Xây dựng kế hoạch tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính đồng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 06/2024	2024 - 2030	Công văn số 5623/UBND-NNTN ngày 25/8/2022
11	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đồng bộ, khép kín cho các khu vực sản xuất lúa tập trung; Áp dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm và canh tác tiên tiến phù hợp với điều kiện địa phương để giảm phát thải khí mê-tan trong canh tác lúa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp, hộ gia đình.	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	2025 - 2030	Công văn số 5623/UBND-NNTN ngày 25/8/2022
12	Đề án Phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
13	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2025	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
14	Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2025	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022



TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
15	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022.
16	Xây dựng và quản lý khu bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tái tạo nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện ven biển	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
17	Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
18	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho ngành hàng chủ lực tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
19	Đề án điều chỉnh cơ cấu sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp vùng Bắc Cà Mau thích ứng BĐKH	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2030	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
20	Kế hoạch quản trác, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Hàng năm	2021 - 2025	Kế hoạch 133/KH-UBND ngày 16/9/2021; Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
21	Các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra sạt lở đất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
22	Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
23	Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất do BĐKH	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
24	 Nâng cao năng lực về công tác chỉ đạo, chỉ huy, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các hoạt động nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng lực tham mưu cho Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, củng cố và nâng cao năng lực cho các đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020
25	Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện có rừng	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ
26	Hướng dẫn lồng ghép các yếu tố thích ứng BĐKH trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Xây dựng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2025	Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022
27	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu vực nội đô trên địa bàn thành phố Cà Mau	Sở Xây dựng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020
28	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với ứng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao,...)	Sở Xây dựng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
29	Đề án thực hiện các giải pháp chống ngập cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Xây dựng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
30	Đề án nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi nước biển dâng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 02/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
31	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nâng cấp, cải tạo các nhà máy điện, trạm truyền tải điện, trạm biến áp và các cơ sở năng lượng khác ở vùng ven biển theo quy hoạch đã được phê duyệt; thu hút đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phát triển công nghiệp, năng lượng nhằm nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Mở rộng quy mô, tổng kết đánh giá	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
32	Đề án phát triển các nguồn lực về mạng lưới y tế, hạ tầng cơ sở; thiết lập hệ thống giám sát, cảnh báo sớm và nâng cao năng lực quản lý, giám sát bệnh, dịch bệnh đáp ứng nguy cơ tác động của BĐKH tại tỉnh	Sở Y tế	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
33	Đề án truyền thông nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm “Giới và BĐKH”, “Bình đẳng giới với BĐKH” trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020



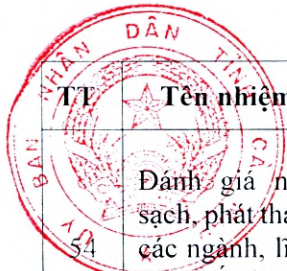
TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
34	Đề án đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng BĐKH trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
35	Kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2021 - 2025	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 03/2023	2023 - 2025	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
36	Xây dựng hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro do khí hậu và thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất của mô hình tôm - rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020
37	Đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trong điều kiện BĐKH, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
38	Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trước tác động của BĐKH bằng các tri thức địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 -2030	Công văn số 6371/UBND-NNTN ngày 30/10/2020
39	Xây dựng, cải tạo hồ đô thị tạo cảnh quan và điều tiết nước mưa, chống ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND các huyện và thành phố Cà Mau	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/7/2020



TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
40	Chủ động rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, chương trình phát triển đô thị	UBND các huyện và thành phố Cà Mau	Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 06/2023	2023 - 2025; 2026 - 2030	Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022
41	Nghiên cứu, thực hiện thí điểm một số dự án quy hoạch, chương trình ưu tiên trọng điểm phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, kiến trúc xanh thích với BĐKH tại đô thị	UBND các huyện và thành phố Cà Mau	Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022
42	Thực hiện các dự án nâng cấp và phát triển đô thị tại các đô thị được cảnh báo rủi ro bởi tác động của BĐKH, trong đó ưu tiên tập trung các dự án nâng cấp, cải tạo các hệ thống hạ tầng kỹ thuật	UBND các huyện và thành phố Cà Mau	Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2023 - 2030	Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/10/2022
43	Tăng cường công tác trồng cây xanh đô thị và cây rừng, tạo cảnh quan nhằm làm giảm thiểu ảnh hưởng của BĐKH, hạn chế xói mòn đất, tạo độ che phủ của rừng và cây phân tán trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND các huyện và thành phố Cà Mau, Vườn Quốc gia: U Minh Hạ, Mũi Cà Mau	Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; các doanh nghiệp	Thực hiện trồng 29.570.000 cây (tương đương 10.892 ha). Trong đó, trồng cây phân tán 14.000.000 cây (tương đương 9.392 ha) và rừng trồng tập trung 15.570.000 cây (tương đương 1.500 ha)	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	2021 - 2025	Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 19/02/2021
III	Về giảm phát thải khí nhà kính						

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
44	Thực hiện rà soát, tổng hợp, xây dựng, cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	Định kỳ 02 năm một lần	Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ
45	Xây dựng Kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan trong lĩnh vực quản lý chất thải và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí mê-tan trong lĩnh vực quản lý chất thải và xử lý nước thải phù hợp với điều kiện quốc gia	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2030	Công văn số 5623/UBND-NNTN ngày 25/8/2022
46	Xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu năm định kỳ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phù hợp với điều kiện quốc gia	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2030	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
47	Xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu năm định kỳ	Sở Công Thương	Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp phù hợp với điều kiện quốc gia	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2030	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
48	Xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành giao thông vận tải nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành giao thông vận tải phù hợp với điều kiện quốc gia	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2030	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018

TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
49	Kế hoạch hành động chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2024 - 2030	
50	Đề án phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại	Sở Xây dựng	Các sở: Giao thông vận tải, Công Thương; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2024 - 2030	
51	Xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành xây dựng nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ	Sở Xây dựng	Các sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành xây dựng phù hợp với điều kiện quốc gia	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2030	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
IV	Huy động nguồn lực, phát triển nguồn lực, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy hợp tác quốc tế						
52	Tiếp tục triển khai thực hiện Khung huy động nguồn lực cho BDKH và tăng trưởng xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Tạo nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Hàng năm	Thực hiện cho cả giai đoạn	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018
53	Đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về BDKH; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2023	2024 - 2030	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 16/01/2018



TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
54	Đánh giá nhu cầu công nghệ sạch, phát thải các-bon thấp trong các ngành, lĩnh vực để thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Các hoạt động đánh giá nhu cầu công nghệ trong các ngành, lĩnh vực	Nhiệm vụ thực hiện thường xuyên	Thực hiện cho cả giai đoạn	
55	Kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới	Các sở, ban, ngành, đơn vị, và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	Các lớp bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao kiến thức phục vụ công tác quản lý nhà nước về BĐKH cho cán bộ, công chức, viên chức	Hàng năm	Hàng năm	Thực hiện theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao
56	Xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với BĐKH ở các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12/2024	2024 - 2030	
57	Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong chia sẻ thông tin về BĐKH	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau	Các báo cáo kinh nghiệm quốc tế liên quan tới hoạt động BĐKH được chia sẻ	Hàng năm	Hàng năm	Thực hiện theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao



TT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
58	Trao đổi thông tin, kinh nghiệm, mô hình, thực tiễn tốt của các nước để thực hiện; các sáng kiến ứng phó với BĐKH, tăng trưởng xanh, chuyển đổi công nghiệp, giao thông và năng lượng phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Cà Mau, doanh nghiệp	Tham gia các Hội nghị, Tọa đàm, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tăng cường năng lực, chia sẻ thành tựu các sáng kiến ứng phó với BĐKH, tăng trưởng xanh, chuyển đổi công nghiệp, giao thông và năng lượng phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn	Hàng năm	Hàng năm	Thực hiện theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao